TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nH dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

2. Ông Nguyễn Văn Tạo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nH dân huyện C.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nH dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1991; Cư trú tại: Ấp 4, xã P.V, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Quốc T2, sinh năm: 1987; Cư trú tại: Ấp 4, xã P.V, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông T2 tổ chức đám cưới năm 2011. Hôn nH của vợ chồng bà là do hai người tự quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn nH tại Ủy ban nH dân xã P.V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011 ngày 25/03/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, nguyên nH mâu thuẫn là do ông T2 thường xuyên uống rượu cùng bạn bè, không chăm lo cho gia đình. Bà T đã có nói chuyện trao đổi với ông T2 để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà đã ly tH từ tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly tH, ông T2 có tìm gặp bà để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T không đồng ý. Bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông T2 nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Vợ chồng bà T có 01 người con chung Phạm Gia H, sinh ngày 02/4/2012. Hiện nay, cháu H đang sống với bà T, khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, bà T không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Quốc T2. Ông T2 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Hồ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Quốc T2 có nơi cư trú tại ấp 4, xã P.V, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nH dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Phạm Quốc T2 được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nH: Bà Hồ Thị Kim T và ông Phạm Quốc T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã P.V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 20/2011 ngày 25/3/2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, nguyên nH mâu thuẫn là do ông T2 thường xuyên uống rượu cùng bạn bè, không chăm lo cho gia đình. Bà T đã có nói chuyện trao đổi với ông T2 để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà đã ly tH từ tháng 3/2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn về phía ông T2, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông T2, nhưng ông T2 không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T2 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nH và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T2.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 02/4/2012. Hiện nay, cháu H đang sống với bà T, khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu H đang sống với bà T cuộc sống ổn định, đồng thời, cháu H có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, do đó để bảo đảm điều kiện phát triển ổn định của cháu H nên giao cho bà T nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T2 không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, ông T2 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nH và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Quốc T2.

Về hôn nH: bà Hồ Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Quốc T2.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Hồ Thị Kim T nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 02/4/2012. Ông Phạm Quốc T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nH, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nH và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Hồ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000690 ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C chuyển sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân